

THỰC TRẠNG VÀ CHÍNH SÁCH BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA BẢN/LÀNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở HÀ GIANG¹

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Bản/làng của các dân tộc tỉnh Hà Giang tuy có quy mô nhỏ nhưng cách bố trí không giống nhau tại mỗi vùng cảnh quan. Vùng núi đất và vùng thấp (đại diện là các dân tộc Tày, Nùng, Dao, La Chí...) bản/làng thường mật tập, quy mô nhỏ nhất từ 50 đến 60 nóc nhà đến hàng trăm nóc nhà với nhiều dòng họ cùng cư trú; vùng Cao nguyên đá Đồng Văn (có các dân tộc Hmông, Lô Lô, Dao...) bản/làng hay bố trí theo kiểu phòng thủ với hệ thống tường đá bao quanh để bảo vệ con người, gia súc, của cải. Trong bối cảnh mới, cấu trúc bản/làng ở nhiều nơi đã thay đổi, nhất là khu vực ven đường quốc lộ, trung tâm xã,... Bài viết tập trung làm rõ thực trạng và chính sách bảo tồn, phát huy những giá trị cảnh quan bản/làng của các dân tộc thiểu số nhằm góp phần phát triển du lịch ở tỉnh Hà Giang.

Từ khóa: Bản/làng, cảnh quan, bảo tồn và phát huy, làng văn hóa du lịch, chính sách.

Ngày nhận bài: 28/2/2020; ngày gửi phản biện: 3/3/2020; ngày duyệt đăng: 17/4/2020

Mở đầu

Khi nói đến Hà Giang, bên cạnh những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, vạt hoa rừng đa màu sắc, người ta thường nhớ đến một miền quê của nhiều dân tộc thiểu số (DTTS) khác nhau đã cùng chung lưng đấu cật gìn giữ mảnh đất nơi địa đầu của Tổ quốc. Các dân tộc Hmông, Dao, Tày, Nùng, Lô Lô, Giáy, Bó Y, Pà Thẻn, Cơ Lao, Pu Páo, Kinh... đóng góp những sắc màu phong phú, đa dạng cho bức tranh văn hóa tộc người của Hà Giang nói riêng, miền núi vùng cao phía Bắc Việt Nam nói chung.

Hiện nay, Hà Giang vẫn là một tỉnh nghèo, nhưng tiềm năng các giá trị văn hóa tộc người ở địa phương này rất to lớn và tràn đầy triển vọng, đang cần đầu tư và khai thác trước mắt cũng như lâu dài. Đặc biệt, năm 2010, Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn chính thức được UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu, trở thành công viên địa chất đầu tiên của Việt Nam và thứ hai ở Đông Nam Á. Năm 2012, ruộng bậc thang huyện Hoàng Su Phì được công nhận là Di tích cấp Quốc gia và đến năm 2015 được công nhận là

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp tỉnh: “Nghiên cứu xây dựng chính sách bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống độc đáo (tiêu biểu) của các dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang” do PGS.TS. Nguyễn Văn Minh làm Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì, tỉnh Hà Giang quản lý.

Di sản Văn hóa phi vật thể Quốc gia. Có thể nói, Hà Giang đang sở hữu những tài nguyên sinh thái và nhân văn rất có giá trị, đòi hỏi phải được đánh giá và xác định mục tiêu bảo tồn, phát huy, phát triển làm giàu cho địa phương cũng như để đồng bào các DTTS từng bước vươn lên, bắt kịp với nhịp độ phát triển của cả nước.

1. Thực trạng cảnh quan bản/làng các dân tộc thiểu số ở Hà Giang

Ở Hà Giang, bản/làng các DTTS không giống nhau từ điều kiện tự nhiên nơi cư trú (cảnh quan sinh thái) đến các hình thức quản lý xã hội. Điều đó tạo nên những đặc trưng văn hóa tộc người nơi đây.

Bản/làng của người Tày, Nùng thường nằm gần nguồn nước, xung quanh là thung lũng. Tên bản/làng được đặt theo đặc điểm địa hình tự nhiên hoặc cây cối. Mỗi bản/làng trung bình 30 - 40 nhà, bản/làng lớn có 60 - 70 nóc nhà, thậm chí 100 nóc nhà như bản/làng của người Tày ở các huyện Bắc Quang, Vị Xuyên,... Nhà ở phân bố tương đối tập trung, có khi xen kẽ với nhà ở của các dân tộc khác. Cùng một điều kiện sinh hoạt như nhau, bao giờ các bản/làng của người Tày, Nùng cũng đông vui, trù mật hơn bản/làng của các dân tộc khác. Nhìn chung, bản/làng Tày, Nùng bố trí tương đối gần nhau, tạo nên những tiểu vùng cảnh quan sinh thái - nhân văn liên hoàn trên một phạm vi rộng.

Ở người Hmông, Lô Lô, từng khuôn viên mỗi gia đình thường được rào bằng tường đá, cách làm này để phòng thủ, bảo vệ người, gia súc, của cải. Đặc điểm đó đã tồn tại từ lâu đời và trở thành một nét đẹp chung. Tính chất khép kín của ngôi nhà trình tường, bờ rào đá cùng cách sắp xếp quần tụ các nhà theo từng cụm phù hợp với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt của vùng cao, núi đá. Đặc điểm tương đồng với cách cư trú của người Hmông và Lô Lô là bản/làng được hình thành bắt đầu từ sự tụ cư của các dòng họ. Xã hội người Hmông (truyền thống và hiện tại) đều rất xem trọng tổ chức dòng họ, cho nên về mặt cư trú, quan hệ dòng họ “những người cùng tổ tiên”, “cùng ma” chặt chẽ hơn quan hệ láng giềng. Trong một số trường hợp, một bản/làng người Hmông gần như là tập hợp của nhiều gia đình là anh em họ hàng với nhau (Nguyễn Ngọc Thanh, 2000, tr. 30-40).

Đối với người Dao, bản/làng thường có quy mô nhỏ và tách biệt. Mỗi nhóm địa phương người Dao ở Hà Giang có khác biệt nhất định về địa vực cư trú: Dao Áo Dài, Dao Đỏ ở lưng chừng núi có độ dốc lớn, Dao Tiền và Dao Quần Trắng sống ở vùng đất bằng và thấp như người Tày. Do đặc điểm sống xen kẽ là chủ yếu, hầu như không có xã nào chỉ có thuần người Dao mà thường có ít nhất từ hai dân tộc trở lên như Sùng Máng (Mèo Vạc), Phú Lũng (Yên Minh), Xuân Minh (Hoàng Su Phì). Mức độ thuần nhất trong phân bố của cư dân Dao thấp hơn so với người Hmông: ở cấp bản/làng thì có khá nhiều đơn vị “thuần Dao” (100% cư dân Dao), cấp xã chỉ thấy ở xã Xín Chải, huyện Vị Xuyên.

Bản/làng của người Cơ Lao Đỏ ở Hoàng Su Phì nằm ven các bồn địa nhỏ, tựa lưng vào triền đồi, vừa thuận tiện cho việc canh tác lúa nước, vừa tạo điều kiện khai thác tài nguyên

rừng. Bản/làng của người Cơ Lao Trắng và Cơ Lao Xanh (ở Đồng Văn) ở những nơi tương đối bằng phẳng; quy mô của bản/làng không lớn lắm, khoảng 30 - 35 gia đình; các ngôi nhà được bố trí theo kiểu mật tập, không theo hàng lối nào; thành phần cư dân trong bản/làng khá thuần nhất chủ yếu là người Cơ Lao (Nguyễn Ngọc Thanh, 2000, tr. 156).

Phần lớn các bản/làng vùng cao núi đất đều có rừng, núi bao bọc, nên quy hoạch của từng bản/làng cũng hoàn toàn không giống nhau. Ngoài khuôn viên của từng gia đình, bản/làng còn có các khu vực công cộng như khu vui chơi, nơi để cối giã gạo. Bên cạnh nơi cư trú, từng bản/làng còn có đất đai để canh tác và các khu vực để khai thác riêng (rừng núi, nguồn nước, nghĩa địa). Tất cả các yếu tố này tập hợp lại và tạo nên một không gian sinh tồn chung cho cả cộng đồng.

Ranh giới bản/làng của các DTTS ở Hà Giang thường được xác định khá rõ ràng, tất nhiên sự xác định đó chỉ mang tính ước lệ. Song, ranh giới này luôn được mọi người tôn trọng và duy trì, hiếm khi có người vi phạm. Trong phạm vi ranh giới của mỗi bản/làng, tùy theo địa hình mà phân chia ra thành nhiều khu vực khác nhau như: cư trú, sản xuất, chăn thả gia súc, nơi thờ cúng,...

Ở Hà Giang, những ngôi nhà trong bản/làng của các DTTS ở vùng cao núi đá thuộc các huyện Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc được bảo vệ bởi hàng rào đá. Song, hàng rào này tại những bản/làng của người Hmông có những nét độc đáo riêng. Căn cứ vào đây, có thể phân loại thành hai dạng cư trú ở vùng này:

Thứ nhất, xung quanh bản được xây bằng tường đá, tiêu biểu cho loại hình này là bản Sà Phìn B, thuộc xã Sà Phìn, huyện Đồng Văn. Theo tư liệu cũ ghi lại thì cách đây khoảng 50 năm, xung quanh bản/làng được xây dựng một vòng rào bằng đá dài gần 1.000m, cao chừng 2m; bản có 5 cổng với cánh cửa rất chắc chắn. Trải qua năm tháng, bản này hiện nay đã thay đổi nhiều, tường đá xung quanh vẫn còn nhưng bố trí trong bản đã khác trước (Nguyễn Ngọc Thanh, 2000, tr. 30-40).

Thứ hai, xung quanh bản không có tường đá, nhưng từ 6 đến 7 nhà có quan hệ thân tộc chung nhau một vòng rào bằng đá khá kiên cố như bản Cá Ha, xã Giàng Chu Phìn, huyện Mèo Vạc; bản Lao Xa, xã Sủng Là, huyện Đồng Văn; hoặc xây bằng tường đất thấy ở bản Nhiều Lũng, xã Thái Phiên Tềng, huyện Đồng Văn;...

Hàng rào đá được xếp từ những viên đá xù xì, nhiều góc cạnh. Thông thường, việc xây dựng từ vật liệu tự nhiên cần đến chất kết dính; song ở đây hàng rào đá được gắn kết rất tự nhiên, có nơi cao đến 2m, nhưng cũng có chỗ khác chỉ cao nửa mét.

Dù là của một hay vài ba gia đình thì hàng rào đá trước đây đã thực hiện chức năng quan trọng, đó là ngăn chặn kẻ gian và thú dữ, bảo vệ cuộc sống của cộng đồng dân cư. Hàng rào đá thường được xây dựng xung quanh nhà, vườn, nương hay quanh chuồng chăn thả gia súc,...

Dù cư trú tập trung hay phân tán, bản/làng của các DTTS ở Hà Giang đều được tạo lập dựa trên sự phù hợp với địa hình cảnh quan, môi trường sống cũng như lịch sử di cư, quản trị của tộc người. Trong điều kiện kinh tế tự cung tự cấp trước kia, sự chênh lệch về điều kiện đất đai, tài nguyên thiên nhiên dẫn đến sự khác biệt cơ bản trong loại hình tổ chức canh tác, từ đó quy định đặc điểm phân bố dân cư. Bản/làng của cư dân sống ở thung lũng phụ thuộc vào việc trồng lúa nước và làm các công trình thủy lợi tập trung, không cần thiết phải phân tán các hộ gia đình trong bản/làng trên một phạm vi quá rộng. Ngược lại, bản/làng của cư dân sống ở lưng chừng núi, vùng rẻo cao cơ bản phụ thuộc vào trồng ngô hoặc lúa nương, còn ruộng lúa nước có xuất hiện, nhưng diện tích cũng không thể bằng ở thung lũng lòng chảo. Tuy nhiên, những năm gần đây, cấu trúc bản/làng của các DTTS Hà Giang đã có nhiều thay đổi, điều này xuất phát từ các nguyên nhân như ảnh hưởng của môi trường sống, sự phát triển kinh tế, xã hội, tiếp nhận và giao thoa văn hóa với các dân tộc xung quanh,... Trong đó, sự phát triển kinh tế là yếu tố quan trọng nhất, vì thu nhập nâng cao, đời sống khá khá lên khiến cho người dân có nhu cầu hướng đến sự thay đổi.

Trong nhận thức của người dân hiện nay, trước hết là lớp trẻ thì giá trị tinh thần của loại hình nhà truyền thống đã suy giảm rất nhiều, thậm chí còn bị coi là lỗi thời, không phù hợp với điều kiện mới.

Kiến trúc ngôi nhà truyền thống hầu như khó có thể tìm thấy một cách nguyên vẹn trong cuộc sống hiện nay, nhất là ở khu vực thành phố, thị trấn, nơi vùng núi thấp. Do thiếu nguyên vật liệu truyền thống hay để tiện cho việc kinh doanh, buôn bán, lắp đặt tiện nghi sinh hoạt mới, nhiều gia đình người Tày, Nùng đã chuyển sang ở nhà trệt. Ngôi nhà sàn trở thành nhà bếp, hoặc nơi ở cho người già - những người chỉ quen với nếp sống truyền thống như là kỷ niệm của một thời đã qua. Trong khi, ngày càng nhiều ngôi nhà xây bằng gạch, mái lợpproximăng hay tôn đã và đang ảnh hưởng rất lớn đến không gian văn hóa của các dân tộc.

Ở các dân tộc Hmông, Dao, Pu Páo..., những ngôi nhà trình tường bằng đất truyền thống đã được xây bằng gạch nghiền từ bột đá và xi măng, mái ngói âm dương được thay bằng các tấm lợp proximang hoặc mái tôn. Ảnh hưởng của xu thế giao lưu, tiếp biến văn hóa thể hiện rõ trong các khoảng thời gian xây dựng khác nhau. Gần đây, ở các huyện thuộc Cao nguyên đá Đồng Văn, nhiều người sang Trung Quốc làm thuê, có tiền trở về đập bỏ ngôi nhà cũ truyền thống đã gắn bó cả đời người để xây dựng ngôi nhà mới tương tự như nhà của người Trung Quốc bên kia biên giới, xu hướng này diễn ra ngày càng phổ biến (điển hình nhất là ở Phố Lả và Phú Lũng là hai địa bàn sát cửa khẩu).

Kết quả nghiên cứu cho thấy, bản/làng các dân tộc ở Hà Giang có thể chia thành hai nhóm: *Thứ nhất*, thuộc nhóm này bản/làng có đặc điểm chung là không gian bị xáo trộn, đối diện nguy cơ mai một các giá trị văn hóa tộc người, thể hiện khá rõ tại các khu vực cư trú ven đường quốc lộ, tỉnh lộ, vì ở đây nhiều ngôi nhà truyền thống đã phá bỏ để xây những

ngôi nhà kiểu mới. Cảnh quan bản/làng của các dân tộc ở đây có sự thay đổi nhanh chóng, trong đó, nét kiến trúc độc đáo là hàng rào đá cũng không tránh khỏi mai một, thậm chí có thể sẽ mất đi,... Sự phát triển nói chung của đời sống kinh tế - xã hội đã giúp việc vận chuyển xi măng, vôi cát đến các bản/làng không còn quá khó khăn như trước. Ở các khu vực gần đường giao thông liên tỉnh, liên huyện, liên xã, hàng rào xung quanh nhiều ngôi nhà được dựng bằng gạch làm từ bột đá, gạch bi, mà theo một số người thì chúng “có vẻ” đẹp hơn loại hàng rào cũ. Một số nơi khác còn duy trì cách thức xây dựng truyền thống, nhưng chiều cao của hàng rào bị hạ thấp đến mức không còn nhiều ý nghĩa cho việc phòng thủ, chủ yếu để xác định khoảng sân nhà, vườn cây, chuồng trại hoặc lối đi lại. Trong khi đó, những thứ nên thay đổi thì lại thay đổi chậm chạp như chuồng trại gia súc nhiều khi vẫn được làm gần nhà để tiện cho việc chăm sóc và tránh mất cắp, ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và sức khỏe của người dân.

Thứ hai, chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, bản/làng vẫn bảo lưu được một số giá trị truyền thống trong đời sống cộng đồng, nhất là ngôi nhà và hàng rào đá (Cao nguyên đá Đồng Văn).

2. Một số chính sách bảo tồn, phát huy những giá trị cảnh quan bản/làng của tỉnh Hà Giang

2.1. Những mặt tích cực của chính sách

Sau khi Cao nguyên đá Đồng Văn trở thành Công viên Địa chất toàn cầu, nhiều khuyến nghị của chuyên gia về di sản địa chất, địa mạo kỳ thú này đã được tỉnh Hà Giang nỗ lực thực hiện. Một trong những vấn đề được khuyến nghị có tính xuyên suốt là bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS. Theo đó, Hà Giang đã ban hành một số văn bản quan trọng như:

Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy Hà Giang về “Bảo tồn, khôi phục, phát huy giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc Hmông trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030”. Đóng góp quan trọng bước đầu của đề án này là đã bảo tồn, phục dựng được lễ hội gầu tào, lễ cầu mưa, cầu mưa của dân tộc Hmông; quy hoạch một số làng văn hóa du lịch dân tộc Hmông; tăng cường hoạt động tuyên truyền các gia đình, dòng họ Hmông thực hiện nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang, lễ hội;... Một trong những hoạt động của Đề án là khảo sát các bản/làng, xác định số lượng ngôi nhà còn giữ nguyên kiến trúc truyền thống nhà trình tường, mái ngói âm dương, số gia đình còn giữ lại tường rào xếp bằng đá... để bảo tồn.

Đề án “Xây dựng làng văn hóa các dân tộc tỉnh Hà Giang” (ban hành kèm theo Quyết định số 263/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Giang) đặt mục tiêu xây dựng một bản/làng thể hiện đầy đủ bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc tỉnh Hà Giang để giới thiệu với nhân dân trong tỉnh, khách du lịch cả nước và quốc tế; đáp ứng các nhu cầu vui

chơi giải trí, hoạt động thể thao, dưỡng sinh, văn nghệ,... Đề án còn nhằm phát huy vai trò của những chủ thể văn hóa trong phát triển văn hóa truyền thống của các dân tộc, bảo tồn những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, đáp ứng ngày càng đầy đủ nhu cầu tinh thần cho đồng bào các dân tộc, đưa bản sắc văn hóa dân tộc phát triển lên một tầm cao mới.

Quyết định số 1969/QĐ-UBND ban hành ngày 28/09/2017 về “Phê duyệt chiến lược hội nhập quốc tế tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” đã chỉ rõ: “... Các sản phẩm du lịch đặc thù gắn với việc giữ gìn và phát huy bản sắc các dân tộc dựa trên lợi thế là Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn và sự đa dạng bản sắc văn hóa trên địa bàn tỉnh...” (UBND tỉnh Hà Giang, 2017). Cũng trong năm 2017, UBND tỉnh phê duyệt hai dự án: “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể” và “Phục dựng, bảo tồn một số lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số, giai đoạn 2017 - 2020”. Hai dự án này, góp phần nâng cao năng lực bảo tồn và phát huy một số giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu của các DTTS, từ đó lập hồ sơ khoa học trình lên Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch xem xét, đưa vào danh mục Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể Quốc gia.

Hà Giang cũng đang triển khai thực hiện Chương trình số 29-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 331/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; Đề án đưa giáo dục văn hóa truyền thống vào trường học; thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình (UBND tỉnh Hà Giang, 2017).

Trên cơ sở kiến nghị của các chuyên gia, Hà Giang đã ít nhiều quan tâm đến việc bảo tồn kiến trúc truyền thống của các dân tộc trên Cao nguyên đá Đồng Văn. Một số địa phương bước đầu xây dựng quy ước quản lý các công trình nhà ở, nhà văn hóa gắn với kiến trúc truyền thống; đề xuất chính sách hỗ trợ, đặc biệt là làng văn hóa du lịch (LVHDL) cộng đồng ở các dân tộc Lô Lô, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn; dân tộc Hmông, xã Pả Vi, huyện Mèo Vạc và Lũng Cẩm trên, xã Sủng Là, huyện Đồng Văn; dân tộc Dao (nhóm Dao Áo Dài), thôn Nậm Đăm, xã Quản Bạ, huyện Quản Bạ... đã phát huy hiệu quả nét đẹp truyền thống, thu hút lượng lớn du khách tham quan.

Một trong những chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đến cảnh quan bản/làng nói riêng và văn hóa tộc người nói chung ở Hà Giang là chính sách định canh, định cư. Từ năm 2007 đến năm 2012, toàn tỉnh đã thực hiện 10 dự án định canh, định cư tập trung; 4 dự án định canh, định cư xen ghép tại các huyện Mèo Vạc, Đồng Văn, Bắc Quang, Hoàng Su Phì và Xín Mần. Định canh, định cư tập trung là xây dựng các điểm dân cư từ 30 hộ đến 60 hộ; định canh, định cư xen ghép là hỗ trợ một thôn, xã tiếp nhận từng hộ riêng lẻ. Tỉnh chủ trương khuyến khích địa phương tiến hành theo hình thức xen ghép trước nhằm tận dụng hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có, đồng thời người dân sở tại có điều kiện giúp đỡ hộ gia đình mới chuyển đến.

Chương trình nông thôn mới ở vùng đồng bào DTTS nhìn chung đã nhận được sự đồng tình, hưởng ứng của các tổ chức, cá nhân, thực sự đi vào cuộc sống. Mô hình gia đình văn hóa, bản/làng văn hóa ngày càng phát triển cả về số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Từ Chương trình này, những mô hình sinh hoạt văn hóa ở các địa phương ngày càng phong phú, bắt đầu từ mở rộng không gian tổ chức với nhiều hoạt động vui chơi, giải trí, văn nghệ và trò chơi dân gian, môn thể thao dân tộc tại cơ sở.

Hà Giang đã có nhiều sự đổi mới về cơ chế và chính sách để kết hợp, lồng ghép hoặc cụ thể hóa Chương trình thành các đề án, giải pháp cụ thể. Năm 2018, tỉnh bắt đầu nêu định hướng đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới bằng phát triển kinh tế theo Chương trình OCOP và Đề án 1385, trong đó trọng tâm là tổ chức sản xuất lại và phát triển các LVHDL trên nền tảng các LVHDL cộng đồng tiêu biểu đã xây dựng từ đầu những năm 2010.

Ở huyện Bắc Quang, sáng kiến xây dựng Đề án “Thôn tự chủ, tự quản” đã tác động trực tiếp đến hoạt động kinh tế, chính trị, an ninh của địa phương. Theo đó, người dân được tham gia quyết định mọi việc ở bản/làng, nhờ vậy việc tổ chức lại sản xuất, phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo đạt hiệu quả cao.

Trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tỉnh Hà Giang đã mạnh dạn đặt mục tiêu: “Phấn đấu đến năm 2020, du lịch Hà Giang trở thành ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu khối dịch vụ, tạo tiền đề đến năm 2030 là ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong nền kinh tế chung của tỉnh với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ; sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, có sức cạnh tranh; mang bản sắc văn hóa Hà Giang, thân thiện với môi trường, đưa Hà Giang trở thành một trong những địa bàn trọng điểm về du lịch của vùng và của cả nước” (Thủ tướng Chính phủ, 2016). Trên cơ sở đó, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống độc đáo đã và đang trở thành một thế mạnh thu hút khách du lịch đến Hà Giang. Chủ trương xây dựng LVHDL tiêu biểu không chỉ góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá của đồng bào DTTS mà còn là một xuất phát điểm quan trọng, tạo điều kiện để các địa phương có LVHDL cộng đồng, xây dựng thành công Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Theo đó, đến năm 2010, mỗi huyện ban đầu được yêu cầu xây dựng từ 2 đến 3 LVHDL gắn với bảo vệ cảnh quan thiên nhiên; quy hoạch và từng bước đầu tư xây dựng các điểm vui chơi, sinh hoạt cộng đồng; tập trung đào tạo nghề để tạo những sản phẩm phục vụ du khách, phấn đấu tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động phục vụ hoạt động du lịch.

Chính sách khuyến khích phát triển du lịch nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung của Hà Giang được xác định: “Du lịch cộng đồng gắn với các bản/làng dân tộc”. Để thực hiện mục tiêu này, các hộ kinh doanh được ưu đãi đầu tư, hỗ trợ vay vốn lãi suất thấp, mua sắm trang thiết bị và xây dựng công trình nhà vệ sinh tại các hộ gia đình có phòng ở cho khách du lịch thuê (homestay); hỗ trợ sản xuất sản phẩm thủ công truyền thống phục vụ du

lịch, hỗ trợ lãi suất tiền vay cho tổ chức, cá nhân kinh doanh hoặc vừa sản xuất vừa hoạt động kinh doanh sản phẩm thủ công truyền thống phục vụ du lịch (HĐND tỉnh Hà Giang, 2012). Chính sách này cơ bản phù hợp với những định hướng có liên quan đến du lịch cộng đồng trong quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chủ trương của Trung ương và của tỉnh đã được cụ thể hóa ở cấp huyện qua các nghị quyết về phát triển du lịch - dịch vụ theo từng giai đoạn. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có trên 50 LVHDL cộng đồng đã và đang được triển khai xây dựng, một số LVHDL cộng đồng đã đi vào hoạt động. Trong đó có 29 đã ra mắt chính thức, 20 đang được đầu tư xây dựng. Đa số các LVHDL cộng đồng ra mắt đã hoạt động tốt như bản/làng của dân tộc Dao, Tày, Hmông, và một số bản/làng của các dân tộc khác (UBND tỉnh Hà Giang, 2016).

Sáng kiến quan trọng của tỉnh Hà Giang nhằm thúc đẩy phát triển, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, gắn việc xây dựng LVHDL cộng đồng với Chương trình quốc gia về xây dựng nông thôn mới là năm 2012 đưa ra 10 tiêu chí, được gọi chung là Tuyên bố Panhou². Trên cơ sở 10 tiêu chí, các huyện, thành phố đã xây dựng đề án, nghị quyết chuyên đề, thành lập Ban

² Tiêu chí cụ thể như sau: *Tiêu chí 1*: đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển; *Tiêu chí 2*: đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú. Có nhà văn hóa được xây dựng theo kiến trúc truyền thống để sinh hoạt văn hóa cộng đồng, đón tiếp khách đến tham quan, nơi trưng bày sản phẩm địa phương, sản phẩm du lịch, có thuyết minh viên du lịch, sân tập thể thao. Tỷ lệ trẻ từ 0 đến 2 tuổi đi nhà trẻ đạt 30%; trẻ trong độ tuổi mẫu giáo, học sinh trong độ tuổi đến trường đạt 98%, duy trì và giữ vững phổ cập tiểu học đúng độ tuổi. Có nhân viên y tế thôn bản/làng, có tủ thuốc thôn bản/làng, không có gia đình sinh con thứ 3 và có bà đỡ dân gian được đào tạo; *Tiêu chí 3*: môi trường cảnh quan sạch đẹp, 100% số hộ di dời chuồng trại gia súc, gia cầm xa nhà, có công trình vệ sinh khép kín, vệ sinh sạch sẽ trong nhà và khu vực xung quanh, chất thải, nước thải được thu gom và xử lý tập trung theo quy định, xây dựng hệ thống bể nước và cấp thoát nước sinh hoạt đảm bảo vệ sinh sạch sẽ; *Tiêu chí 4*: có bản/làng nghề truyền thống, khuyến khích phát triển những bản/làng nghề mang tính truyền thống, giữ gìn được bản/làng về bản sắc văn hóa dân tộc như nghề chạm bạc, nghề rèn, nghề dệt thổ cẩm, đan lát và nghề thủ công; *Tiêu chí 5*: đảm bảo phục vụ khách lưu trú khi đến tham quan nghỉ ngơi tại bản/làng. Phục vụ lưu trú tối thiểu từ 10 - 20 khách tại bản/làng (có phòng riêng, phòng tập thể thoải mái về mùa hè, ấm áp về mùa đông), bố trí trang thiết bị thiết yếu như: chăn, màn, đệm cho du khách, có thể nghỉ tại nhà dân hoặc nghỉ tại nhà văn hóa thôn bản/làng. Đối với các hộ dân được chọn để bố trí khách du lịch lưu trú phải đảm bảo nằm trong bản/làng đi lại thuận tiện, có lao động có thể tham gia trực tiếp vào hoạt động khai thác du lịch, nhà rộng rãi và được thiết kế theo kiểu truyền thống; *Tiêu chí 6*: có hội nghệ nhân dân gian hoạt động theo pháp luật, có đội văn nghệ dân gian (từ 7 - 10 người) thường xuyên biểu diễn phục vụ khách với những tiết mục đặc sắc mang đậm bản/làng sắc dân tộc. Mỗi buổi biểu diễn từ 3 đến 5 tiết mục. Có thể phục vụ các món ăn ẩm thực đặc trưng của dân tộc với đội ngũ đầu bếp từ 3 đến 5 người; *Tiêu chí 7*: có công bản/làng, có thông tin hướng dẫn theo tiêu chí xây dựng bản/làng văn hóa du lịch tiêu biểu gắn với xây dựng nông thôn mới bằng hai thứ tiếng (Anh - Việt); có hệ thống mạng Internet đến thôn, có điểm phục vụ bưu chính viễn thông, điện thoại, loa truyền thanh công cộng; bố trí tủ sách thư viện tại nhà văn hóa công cộng; *Tiêu chí 8*: bản/làng đạt 50% trở lên số tiêu chí về xây dựng nông thôn mới; giá trị sản xuất/1ha bình quân đạt 30 triệu đồng trở lên đối với bản/làng văn hóa du lịch tiêu biểu gắn với xây dựng nông thôn mới ở vùng cao, 50 triệu đồng trở lên đối với vùng động lực. Thu nhập bình quân đầu người đạt 10 triệu đồng/năm trở lên; *Tiêu chí 9*: hệ thống đường giao thông bê tông kết nối với bản/làng thuận tiện có thể đi lại được xe ô tô 16 chỗ ngồi vào đến cổng bản/làng. Đường bản/làng được rải nhựa, đổ bê tông hoặc rải cấp phối. 100% đường liên thôn, liên xóm được bê tông hóa. Có hệ thống điện thấp sáng đến từng hộ dân. 100% số kênh mương đảm bảo tưới cho cả hai vụ được kiên cố; *Tiêu chí 10*: bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại bản/làng. Có tinh thần đoàn kết tương trợ giúp đỡ nhau trong cộng đồng. Không có người vi phạm pháp luật. Bảo vệ tính mạng, tài sản của du khách.

chỉ đạo phát triển du lịch trong xây dựng LVHDL cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới để tập trung chỉ đạo thực hiện.

Các bản/làng nơi người dân đang sinh sống phải xây dựng được nhiều tiêu chí đạt chuẩn như bản/làng thuần dân tộc, có sự quản trị về dân cư, các thiết chế văn hóa đạt chuẩn, có quy ước bản/làng văn hoá du lịch; có đường giao thông nông thôn được rải nhựa, bê tông hoá, rải cấp phối hoặc lát gạch đảm bảo các phương tiện giao thông đi lại thuận tiện; có đủ các điều kiện về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, hài hoà, có công trình vệ sinh đạt chuẩn (chuồng trại chăn nuôi xa nhà ở hoặc có tường bao cách biệt đảm bảo vệ sinh môi trường, có hệ thống thu gom và xử lý rác thải); dân cư sống tập trung, mức sống đồng đều và không có hộ nghèo; nhà cửa được xây dựng khang trang theo kiến trúc truyền thống; bản/làng có nghề thủ công truyền thống vừa tạo công ăn việc làm, vừa tăng thu nhập cho nhiều lao động nhân rỗi tại địa phương.

Sau hơn 5 năm tiến hành xây dựng theo tiêu chí Panhou, một bộ phận cộng đồng cư dân nông thôn đã thấy được vai trò của phát triển du lịch đối với đời sống kinh tế của địa phương và hưởng ứng với chủ trương phát triển du lịch cộng đồng. Cùng với sự đầu tư hỗ trợ của Nhà nước, nhiều gia đình đã đóng góp tiền của, công sức trực tiếp tham gia hiệu quả vào hoạt động phát triển du lịch cộng đồng tại địa phương như cải tạo nhà ở, mua sắm thêm các trang thiết bị để phục vụ và đón khách du lịch tham quan, lưu trú, tự tìm hiểu nhu cầu, thị hiếu của các đối tượng khách.

Bên cạnh đó, tỉnh còn phối hợp với một số tổ chức phi chính phủ trong hoạt động du lịch như mở các lớp tập huấn tại một số LVHDL cộng đồng về phát triển dịch vụ lưu trú homestay, khảo sát đánh giá các tiêu chí cho 13 bản/làng văn hóa du lịch cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Giang và 4 huyện Cao nguyên đá Đồng Văn,...

Về khách quan, các chính sách hiện tại là hết sức thiết thực và phong phú, góp phần đưa văn hóa truyền thống trở nên phổ biến hơn trong cuộc sống của người dân, giúp nâng cao lòng tự hào, ý thức bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa. Một bộ phận lớn cộng đồng dân cư đã thấy được vai trò của phát triển du lịch đối với đời sống kinh tế của địa phương và hưởng ứng chủ trương phát triển du lịch cộng đồng gắn với xây dựng LVHDL.

2.2. Hạn chế của các chính sách

Bên cạnh mặt tích cực như đã nêu, các chính sách của tỉnh Hà Giang vẫn chưa chú ý đầy đủ đến giá trị văn hóa độc đáo của những cảnh quan tiêu biểu mà địa phương đang sở hữu. Hầu như các nhà quản lý và hoạch định, thực thi chính sách chỉ tập trung phát huy giá trị văn hóa truyền thống cho phát triển là các di tích, nghề thủ công, nhà ở, trang phục, ẩm thực, lễ hội, dân ca, dân vũ, dân nhạc mang tính biểu diễn, giao lưu, phục vụ nhân dân và khách du lịch.

Thực tế là, một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa cảnh quan gắn với du lịch. Những vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa cảnh quan ít được nghiên cứu chi tiết, kỹ lưỡng, thể hiện rõ qua những báo cáo thực trạng và đề xuất chính sách của các ngành, các cấp (nội dung tương đối sơ sài, chưa nắm được trọng tâm, đôi khi còn khó hiểu). Bởi vậy, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa cảnh quan được hình thành do sự kết hợp giữa tự nhiên và con người, chưa trở thành phong trào và có tính bền vững. Công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục đối với người dân về giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa cảnh quan tộc người chưa thường xuyên, dẫn đến nhiều nét đẹp bị biến mất và số còn lại đang đứng trước nguy cơ mai một.

Đến thời điểm 2019, tỉnh, huyện, chưa có một văn bản pháp lý nào về việc gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa cảnh quan bản/làng truyền thống, nhất là việc giữ gìn nguyên trạng kiến trúc nhà ở và khuôn viên nhà cũng như hàng rào đá ở nhiều dân tộc vùng cao nguyên đá Đồng Văn. Những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của bản/làng phục vụ nhu cầu hàng ngày cũng chưa được nhận diện và đánh giá đúng mức, thậm chí bị xem nhẹ trong quá trình thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác quản lý và bảo tồn các bản/làng, cảnh quan đặc thù chưa là hoạt động thường xuyên của các ngành, các cấp. Điều này phản ánh rằng vẫn còn một khoảng trống lớn trong nhận thức toàn diện về thế nào là di sản văn hóa, cụ thể là di sản văn hóa vật thể. Thậm chí, hiện nay tỉnh Hà Giang cũng chưa ban hành quy chế, bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể đã được công nhận dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa, đây là lỗi hỏng dẫn đến tình trạng xây dựng một số công trình vi phạm Luật Di sản như khách sạn Panorama 7 tầng với kết cấu bê-tông cốt thép ở khu vực đèo Mã Pí Lèng; Dự án thang máy 102 tầng phố cổ Đồng Văn nằm trong phạm vi khu vực II (vành đai xanh) của bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích, thuộc phạm vi không được xây mới;...

Ở Hà Giang, còn thiếu một cơ chế hợp tác chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước với giới khoa học, doanh nghiệp và cộng đồng để đảm bảo tính hiệu quả cao nhất cho các dự án, đề án bảo tồn văn hóa. Điều này dẫn đến nhiều nghịch lý. Trước hết, nhà nước muốn bảo tồn văn hóa cho cộng đồng nhưng chưa nắm rõ nhu cầu và phong tục của họ, ví dụ người Bô Y ở xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ, tỉnh đầu tư làm nhà văn hóa cộng đồng theo mô hình truyền thống, song hiệu quả hoạt động rất hạn chế, thậm chí gần đây nhà văn hóa cộng đồng này trở thành *homestay*. Nhà văn hóa ở người Nùng, xã Cốc Rế huyện Xín Mần được đầu tư toàn bộ vốn, thiết kế, thi công với mái nhà lợp tôn, cột và sàn làm bằng bê-tông cốt thép; sau khi hoàn thành được sử dụng làm nơi tổ chức các cuộc họp dân để phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước. Một số nơi khác tình trạng cũng tương tự. Như vậy, so với nhà cộng đồng truyền thống, nhà văn hóa mới đã được chuyển đổi về hình thức và nội dung nên không phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc. Cũng bởi, nhà văn hóa không phải là sản phẩm của cộng đồng mà do Nhà nước dựng lên, cộng đồng không tham gia vào quá trình

thiết kế và xây dựng nên hoạt động không hiệu quả. Rõ ràng, những gì đang diễn ra đòi hỏi một cơ chế hợp tác chặt chẽ, đa chiều hơn nữa giữa các đơn vị quản lý nhà nước, giới khoa học, doanh nghiệp và cộng đồng người dân thụ hưởng.

Đối với chính sách định canh, định cư, nhìn chung đây là một chính sách xuất phát từ mong muốn các cộng đồng DTTS được ổn định chỗ ở, chỗ sản xuất, thoát nghèo để từng bước phát triển kinh tế - xã hội, nhưng nhiều trường hợp Nhà nước mới chỉ làm được khâu cơ bản nhất là đưa dân tới nơi ở mới, bước đầu ổn định chỗ ở cho họ; còn vấn đề sản xuất, tạo điều kiện để phát triển lâu dài vẫn gặp nhiều vướng mắc, lúng túng. Việc di dân như vậy ảnh hưởng trực tiếp đến kiến trúc nhà ở, cảnh quan bản/làng. Hầu hết nhà ở của người dân khi định canh, định cư được Nhà nước xây dựng, nên không còn nguyên vẹn kiến trúc truyền thống. Nhất là những điểm tái định cư xen ghép không gian eo hẹp hơn nơi ở cũ, việc bố trí nhà ở và các công trình phụ, sân vườn, công trình công cộng cũng bị xáo trộn. Mặt khác, ở các điểm tái định cư, lối sống cư trú mật tập thay thế lối sống cư trú rải rác cũng làm các mối quan hệ sản xuất, xã hội, tôn giáo - tín ngưỡng thay đổi. Sự khác biệt trong nếp sống, lễ lối sinh hoạt trước và sau tái định cư là hết sức rõ nét, và trở nên rõ ràng hơn khi điểm tái định cư là nơi quần tụ của nhiều dân tộc. Sẽ là hữu ích nếu các điểm tái định cư trở thành LVHDL cộng đồng với sự đa dạng văn hóa tộc người. Song, phần lớn LVHDL cộng đồng hiện nay không phải là bản/làng tái định cư³, và hầu như các bản/làng tái định cư không có triển vọng trở thành LVHDL.

Riêng Chương trình xây dựng nông thôn mới, một số tiêu chí (môi trường, tỷ lệ hộ nghèo, thu nhập, nhà ở, giao thông, trường học...) khó thực hiện và gặp nhiều trở ngại bởi điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội, những thói quen, phong tục tập quán của đồng bào. Thực tế là, triển khai xây dựng nông thôn mới chủ yếu ảnh hưởng đến hiện trạng các bản/làng qua việc mở mới, tu sửa, nâng cấp đường sá, xây dựng nhà văn hóa thôn. Các tiêu chí về kiến trúc nhà ở nông thôn, công trình công cộng, bảo tồn di tích, văn hóa, dân tộc phù hợp với đặc điểm từng vùng còn thiếu cụ thể, gây khó khăn cho công tác lập quy hoạch, nhất là đối với các xã có đặc điểm khác nhau: xã ven đô thậm chí trong nội đô, xã có bản/làng nghề phát triển, xã vùng núi cao,... Ngay giữa các xã vùng núi cao cũng có khác biệt (giữa vùng cao núi đá với vùng cao núi đất), từ đó đặt ra các yêu cầu quy hoạch rất khác nhau, cũng là nguyên nhân dẫn đến sự đồng bộ, chất lượng quy hoạch nông thôn còn nhiều hạn chế.

Khẩu hiệu “Thôn tự chủ, tự quản” tuy rất thiết thực đối với công tác xây dựng nông thôn mới, song chưa được xác định rõ là tự quản ở mức nào, phát huy được quyền tự chủ của người dân như thế nào mới là phù hợp.

³ Cần lưu ý đến một tiêu chí công nhận một LVHDL phải là điểm dân cư có sự thuần nhất dân tộc.

Trong bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, chỉ có hai tiêu chí: xây dựng nhà văn hóa - khu thể thao xã, thôn và xây dựng bản/làng văn hóa là cơ bản đáp ứng được. Toàn tỉnh Hà Giang hiện có 60% xã và 70% thôn, bản/làng có nhà văn hóa - thể thao, trong đó được đầu tư trang thiết bị và dành tối thiểu 30% sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em (UBND tỉnh Hà Giang, 2017).

Thực chất, việc xây dựng nhà văn hóa thôn hầu như theo phong trào, không truyền tải được hết giá trị của một nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng trong xã hội truyền thống. Nhiều nhà văn hóa được xây dựng theo kiểu kiến trúc “tường gạch, mái ngói”, không có một yếu tố nào gọi là truyền thống và không tạo được sự gần gũi với người dân. Cần phải nhắc lại là với nhiều bản/làng trước đây không có cái gọi là nhà văn hóa riêng, thay vào đó, các sinh hoạt cộng đồng có thể được tổ chức trong khuôn viên nhà trưởng bản/làng mà vẫn hiệu quả.

Việc áp dụng các mục tiêu xây dựng nông thôn mới như nhau cho các bản/làng khác nhau, dẫn đến tình trạng quy hoạch, xây dựng lại bản/làng trở nên hết sức rập khuôn, ít tính đến đặc thù văn hóa và thói quen của tộc người.

Trong khi đó, Chương trình phát triển du lịch cũng còn một số hạn chế như công tác chỉ đạo điều hành việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển du lịch và phát triển văn hóa còn chưa toàn diện, thiếu kiểm tra, giám sát thường xuyên.

Kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch chưa được đầu tư hoàn chỉnh, các hoạt động tuyên truyền quảng bá chưa được quan tâm đúng mức; quy hoạch chi tiết đi kèm quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa gắn với du lịch ở các huyện thiếu đồng bộ. Các nhà đầu tư còn ngần ngại đầu tư vào lĩnh vực xây dựng thiết chế văn hóa, hạ tầng du lịch và LVHDL cộng đồng.

Làng văn hóa du lịch cộng đồng được xem đặc thù ngang hàng với du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch địa chất..., nhưng các yếu tố thiết yếu làm nên sản phẩm du lịch cộng đồng còn mơ hồ, chưa được cụ thể hóa trong một nội dung chính sách, chương trình thống nhất. Hơn nữa, các chính sách, chương trình, kế hoạch cũng chưa đề cập rõ về sự phối hợp ở khâu giám sát, quản lý và chế độ thông tin công khai cho người dân cùng biết, cùng làm. Vậy nên dẫn đến tình trạng nhiều người dân chưa hiểu được vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng LVHDL cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới ở bản/làng của mình, mà trong đó yếu tố cảnh quan có vai trò quan trọng.

3. Gợi ý bổ sung chính sách

Đến thời điểm 2019, các cấp tỉnh và huyện chưa có một văn bản pháp lý nào về việc gìn giữ và phát huy giá trị của cảnh quan bản/làng truyền thống, nhất là việc giữ gìn nguyên trạng kiến trúc khuôn viên nhà ở và hàng rào đá ở nhiều tộc người vùng cao nguyên đá Đồi Văn. Những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể phục vụ nhu cầu hàng ngày chưa được nhận diện

và đánh giá đúng, thậm chí bị xem nhẹ trong quá trình thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, UBND tỉnh cần sớm xây dựng chính sách cho những vấn đề nêu trên.

Có kế hoạch phát triển LVHDL cộng đồng đa dân tộc, đa văn hóa bên cạnh các LVHDL cộng đồng đơn nhất thành phần dân tộc. Thực tế, hiện nay tỉnh đang quá nhấn mạnh vào tính đơn nhất hay thuần nhất về mặt bản sắc của một LVHDL cộng đồng, bỏ qua thực tế sự phổ biến của xu thế cư trú xen kẽ, xen cài giữa các dân tộc đang ngày càng tăng. Cần phải nhận thức, để kiến tạo nên những đơn vị dân cư phong phú về truyền thống văn hóa thì đa dạng thành phần dân tộc cũng là một hướng mang tính khả thi, không nên có thái độ quá cực đoan về tình trạng trộn lẫn bản sắc. Một LVHDL cộng đồng có nhiều thành phần dân tộc, nhiều loại hình kiến trúc nhà cửa, vườn tược, và ở một góc độ nhất định là có nhiều hội hè, sự kiện văn hóa thường niên... sẽ có sức thu hút lớn hơn đối với khách du lịch, tránh được sự nhàm chán, đơn điệu.

Cần lựa chọn để nâng cấp các LVHDL cộng đồng tiêu biểu của các dân tộc khác nhau, ở những vị trí không quá khó khăn về giao thông, mỗi dân tộc có 1 hoặc 2 LVHDL cộng đồng tiêu biểu, đảm bảo sự bình đẳng về văn hóa. Dù thuộc loại hình nào thì quy hoạch, nâng cấp và nhân rộng mô hình LVHDL cộng đồng đều theo hướng truyền thống, hợp lý, sạch đẹp, khắc phục những biểu hiện phản khoa học, thiếu vệ sinh,...

Các địa phương có thực hiện xây dựng LVHDL cộng đồng cần ban hành bộ tiêu chí thống nhất cho việc bảo vệ cảnh quan bản/làng, xây dựng mới hoặc tái tạo kiến trúc nhà ở truyền thống, khuôn viên nhà ở,... Hiện nay, nhà sàn, nhà trình tường ở nhiều địa phương đang được xây dựng một cách tự phát, chủ yếu theo kinh nghiệm và ý thích, từ đó dẫn đến tình trạng bất nhất, có khi quá mới, quá cách tân, có khi lại tạp nham, không theo một nguyên tắc nào. Một văn bản pháp lý quy định và hướng dẫn cụ thể về nguyên vật liệu, kỹ thuật xây dựng, quy chuẩn xây dựng công trình từ các cơ quan chức năng là cần thiết, tất nhiên là phải có sự nghiên cứu kỹ lưỡng từ trước, được thừa nhận bởi đa số trong cộng đồng địa phương. Trong những trường hợp cá biệt cần tạo một vài điểm nhấn cho LVHDL cộng đồng, sự phối hợp giữa chuyên gia kiến trúc và chuyên gia văn hóa là rất quan trọng. Đối với các ngôi nhà cổ hiện có, nếu nhân rộng việc gia cố, sửa chữa và phát triển quy mô rộng rãi hơn tại các điểm dừng, điểm lưu trú của khách du lịch thì không chỉ góp phần bảo tồn và phát triển loại hình di sản vật thể quý giá này, mà còn giảm thiểu vấn nạn chặt phá rừng, phá các mảng đá vôi lấy đá hộc làm tường rào và xây nhà.

Không nên coi tập trung các hoạt động văn hóa - văn nghệ ở trung tâm huyện là nơi duy nhất giới thiệu bản sắc văn hóa các dân tộc. Chính quyền cần quan tâm hơn đối với việc tổ chức một số sự kiện lớn, hoạt động văn hóa của địa phương tại các LVHDL cộng đồng.

Nên có cơ chế đưa tiêu chí về bảo tồn văn hóa truyền thống nói chung trong đó có cảnh quan bản/làng và nhà ở vào xét tặng danh hiệu “làng/bản văn hóa” và “gia đình văn hóa”. Cùng

với đó là nghiên cứu đề ra các khoản ưu đãi vật chất nhất định cho các cộng đồng và gia đình đạt danh hiệu, tạo động lực để người dân phấn đấu, phát huy đúng giá trị của danh hiệu.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Quang Hoan, Đặng Thị Hoa, Nguyễn Thị Song Hà (2016), “Khó khăn trong xây dựng nông thôn mới ở vùng dân tộc thiểu số”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 12 (109), tr. 63-69.

2. HĐND tỉnh Hà Giang (2012), Nghị quyết số 47/2012/NQ-HĐND ban hành ngày 14/07/2012 về “*Ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang*”.

3. HĐND tỉnh Hà Giang (2016), Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ban hành ngày 21/07/2016 về “*Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang*”.

4. HĐND tỉnh Hà Giang (2017, Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ban hành ngày 14/07/2017 “*Về việc thông qua Đề án quy tụ các hộ sống rải rác ở các sườn núi cao, vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới về sống tập trung tại các thôn bản/làng, gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2018 - 2020*”.

5. Nguyễn Ngọc Thanh (2000), “Làng của người Hmông ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1.

6. Nguyễn Ngọc Thanh (2003), “Cấu trúc xã hội”, trong sách: *Dân tộc Cơ Lao ở Việt Nam (Truyền thống và biến đổi)*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

7. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2057/QĐ-TTg, ngày 21/12/2017, “*Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khu du lịch quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030*”.

8. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 206/QĐ-TTg, ngày 02/02/2016, “*Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”.

9. UBND tỉnh Hà Giang, Báo cáo số 13/BC-UBND, ngày 12/01/2016 về “*Thực trạng và giải pháp thu hút khách du lịch phát triển sản phẩm du lịch tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2020*”.

10. UBND tỉnh Hà Giang (2017), *Kế hoạch Khắc phục những hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực văn hóa - xã hội nêu tại báo cáo chính trị Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020*.